

Bản án số: 357/2018/HS-PT
Ngày: 28/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huấn

Các Thẩm phán:

1. Ông Ngô Ngọc Thắng

2. Ông Vũ Văn Lê

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 271/2018/TLPT-HS ngày 04/7/2018 đối với bị cáo Huỳnh Quang T theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3644/2018/QĐXXPT-HS ngày 10/8/2018, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 36/2018/HSST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: **Huỳnh Quang T**; sinh ngày 12/5/1990 tại tỉnh Bình Thuận; nơi đăng ký thường trú: xã A, Thị xã B, tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú trước khi bị bắt: (không nơi ở nhất định); nghề nghiệp: (không); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: (không); quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Trọng M và bà Trương Thị Kim N;

Tiền án, tiền sự: (không);

Bắt tạm giữ, tạm giam: 29/3/2016;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

Người bị hại: Bà **Nguyễn Quý C**; sinh năm 1994; nơi đăng ký thường trú: Tổ 2, Khu vực 9, phường D, thành phố E, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Huỳnh Quang T và bà Nguyễn Quý C quen biết với nhau từ tháng 8/2015 và hai người có quan hệ tình cảm nam nữ với nhau. Lợi dụng việc này, T đã nhiều lần có hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của bà C, cụ thể như sau:

T biết bà C tốt nghiệp Trường cao đẳng Nguyễn Tất Thành chuyên ngành dược và có nhu cầu xin việc làm nên T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà C. Vào khoảng tháng 11/2015, T nói dối bà C rằng T có người chị họ tên là V làm việc tại Khoa dược Bệnh viện Chợ Rẫy nên có thể xin cho C vào làm việc tại Bệnh viện Chợ Rẫy với chi phí là 30.000.000đ. Tin là thật nên bà C đồng ý nhờ T xin cho vào làm việc tại Bệnh viện Chợ Rẫy với chi phí như đã nêu. Bà C đã gọi điện thoại báo cho gia đình và xin tiền để làm chi phí xin việc làm. Ông Nguyễn Văn H (cha đẻ của bà C) đồng ý và đã chuyển tiền vào tài khoản của bà C. Ngày 02/12/2015, bà C chuyển 30.000.000đ vào tài khoản số 197188629 của T mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (sau đây gọi tắt là tài khoản của T mở tại Ngân hàng ACB). T rút số tiền đã nêu, sử dụng để đánh bạc và tiêu xài hết. Khoảng mấy ngày sau đó, T lại nói dối bà C rằng do bà C chưa có bằng tốt nghiệp nên phải đưa thêm 20.000.000đ thì mới xin được việc làm. Tin là thật, bà C tiếp tục đưa thêm cho T 20.000.000đ tiền mặt (đưa 2 lần, một lần đưa 8.000.000đ và một lần đưa 12.000.000đ). T sử dụng số tiền vừa nêu để đánh bạc và bị thua hết. Mấy ngày sau đó, T lại tiếp tục nói dối bà C rằng do có nhiều người xin vào làm việc tại Bệnh viện Chợ Rẫy nên cần phải đưa thêm 30.000.000đ để làm chi phí xin việc. Tin là thật, bà C đồng ý và tiếp tục đưa tiền cho T bằng cách:

-Nộp tiền vào tài khoản của T mở tại Ngân hàng ACB, cụ thể như sau: ngày 09/12/2015, nộp 10.000.000đ; ngày 15/12/2015, nộp 5.000.000đ; ngày 17/12/2015, nộp 3.000.000đ; ngày 19/12/2015, nộp 9.000.000đ.

-Trong ngày 19/12/2015, giao trực tiếp cho T 3.000.000đ.

Vào khoảng cuối tháng 12/2015, đầu tháng 01/2016, T nói dối bà C rằng T được nhận vào làm việc tại Công ty Tôn Hoa Sen, nơi làm việc tại Vũng Tàu nên cần 40.000.000đ để mua cổ phần của Công ty Tôn Hoa Sen. Tin là thật nên bà C đồng ý cho T vay 40.000.000đ và gửi vào tài khoản của T mở tại Ngân hàng ACB. Cũng trong thời gian đã nêu, T còn giả vờ hỏi vay của bà C 18.000.000đ để mua yến sào cất trữ với mục đích bán lại kiếm lời. Tin là thật, bà C đã 4 lần chuyển tiền vào tài khoản của T mở tại Ngân hàng ACB, với tổng số tiền đã chuyển là 18.000.000đ; T còn nói dối bà C rằng do điểm học của bà C thấp nên bà C cần phải đăng ký khóa học nâng cao với mức học phí 7.300.000đ, tin là thật nên bà C đã đưa cho T 7.300.000đ để T đăng ký cho bà C học. T đã sử dụng toàn bộ số tiền đã nêu vào việc đánh bạc và tiêu xài.

Tết Nguyên Đán năm 2016, trong thời gian bà C về Bình Định ăn tết cùng gia đình, T dùng điện thoại của mình (số thuê bao là 0988429426) gọi vào số

điện của bà C (số thuê bao là 01687582499) báo cho bà C biết rằng không xin được cho bà C vào làm việc ở Bệnh viện Chợ Rẫy. Đồng thời, T nói với bà C rằng sẽ nhờ người quen xin cho bà C vào làm việc tại Bệnh viện 175 nhưng cần phải tốn thêm chi phí là 70.000.000đ. Bà C đồng ý với đề nghị của T nhưng với điều kiện là T phải hoàn trả lại bà C 65.300.000đ (là toàn bộ số tiền mà T đã vay của bà C và tiền bà C đã đưa cho T vay và đóng học phí như đã được nêu ở phần trên) để sử dụng làm chi phí xin vào làm việc tại Bệnh viện 175, số tiền chênh lệch còn thiếu thì C sẽ đưa cho T sau. Đồng thời, bà C chuyển điện thoại của mình cho ông H để ông H nói chuyện với T. Khi nói chuyện với ông H, T giả giọng nói và tự giới thiệu mình tên là S, bạn của T và C; đồng thời, T nói lại nội dung xin việc làm cho bà C như nội dung mà T đã nói với bà C.

Ngày 27/02/2016, T nói dối với bà C rằng T cần xe máy biển số 77L1-085.35, máy vi tính xách tay hiệu Sony Vaio và điện thoại di động hiệu Sony C6920 của bà C để sử dụng khi làm việc cho Công ty Tôn Hoa Sen. Tin là thật nên bà C đã cho T mượn các tài sản vừa nêu. Sau khi nhận được tài sản, T cầm cổ chiếc xe và chiếc máy vi tính cho cửa hàng cầm đồ Nam Phát để vay 10.300.000đ; còn chiếc điện thoại thì T cầm cố cho cửa hàng cầm đồ ở số 461 đường Kha Vạn Cân, phường Linh Trung, quận Thủ Đức để vay 1.500.000đ. T sử dụng hết số tiền đã nêu vào việc đánh bạc và tiêu xài. Sau đó, bà C nhiều lần yêu cầu T trả lại tài sản thì T nói dối với bà C rằng do cần chi phí xin cho bà C vào làm việc tại Bệnh viện 175 nên T đã cầm cố các tài sản mượn của bà C. Đồng thời, T hỏi vay của bà C 15.000.000đ để chuộc lại tài sản. Tin là thật nên bà C đã xin tiền của gia đình và đưa cho T vay 12.000.000đ. T chuộc chiếc xe máy và chiếc máy vi tính mang về trả cho bà C; T hẹn đến ngày 28/3/2016 sẽ chuộc chiếc điện thoại trả cho bà C.

-Ngày 12/3/2016, do cần tiền đánh bạc nên T giả vờ hỏi mượn chiếc xe máy biển số 77L1-083.35 và chiếc máy vi tính xách tay hiệu Sony Vaio của bà C để làm phương tiện đi làm. Tin là thật nên bà C cho T mượn các tài sản vừa nêu. Sau khi nhận được tài sản, T mang tài sản cầm cố cho cửa hàng cầm đồ Nam Phát để vay 10.500.000đ, lấy tiền đánh bạc và tiêu xài cho cá nhân. Do không thấy T sử dụng xe máy, bà C hỏi thì T nói rằng đã cầm cố tài sản của bà C để lấy tiền đưa cho bà Trương Thị Kim N (để của T) để sửa xe. Bà C sử dụng điện thoại của T gọi cho bà N và có nói chuyện với bà N. Khi bà C đề cập đến việc T nhận tiền của bà C để xin việc làm cho bà C và việc T gửi tiền cho bà N để sửa xe, thì bà N nói với bà C rằng: bà C đã bị T lừa rồi, T không gửi tiền cho bà N, gia đình bà N cũng không có ai làm việc trong Bệnh viện Chợ Rẫy.

Bà C nghi ngờ T lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình nên đã nhiều lần yêu cầu T trả lại tài sản. Đến ngày 28/3/2016, sau nhiều lần bị bà C yêu cầu trả lại tài sản, T mới nói thật với bà C và ông H là T đã lừa bà C. Bà C cùng ông H đã đưa T đến Công an Phường 4, quận P trình báo và tố cáo T.

Theo văn bản số 103/HĐĐGTS-TTHS ngày 10/5/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận P kết luận như sau: Xe máy hiệu Yamaha Sirius biển số 77L1-085.35 có trị giá 9.000.000đ; máy vi tính xách tay hiệu Sony

Vaio Core i3-3120M có trị giá 7.500.000đ; điện thoại di động hiệu Sony C6902 có trị giá 5.000.000đ.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi lại được chiếc xe máy và chiếc máy vi tính đã nêu và giao trả lại cho bà C.

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKS, ngày 15/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Huỳnh Quang Trí về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999, đã được sửa đổi năm 2009 (Bộ luật hình sự).

Tại phiên tòa sơ thẩm mở ngày 23/5/2018,

T thừa nhận đã lừa đảo để chiếm đoạt của bà C chiếc xe máy, máy vi tính và điện thoại; T không thừa nhận việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản là tiền của bà C mà cho rằng chỉ là giao dịch vay mượn tiền.

Luật sư Phùng Thị Hòa thì bào chữa cho bị cáo T như sau: Chưa đủ yếu tố để xác định T có ý thức chiếm đoạt tài sản của bà C ngay từ đầu nên không đủ cơ sở để kết án T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Cơ quan điều tra không chứng minh được có hay không việc T xin cho bà C vào làm việc trong Bệnh viện Chợ Rẫy vì không thu thập được bộ hồ sơ xin việc mà bà C đưa cho bị cáo T; lời khai bị cáo và bị hại có mâu thuẫn với nhau; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo T không phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại bản án số 36/2018/HS-ST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Quang Trí phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm g khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội,

Xử phạt bị cáo Huỳnh Quang Trí 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/3/2016.

Ngoài ra, bản án còn giải quyết về mặt dân, tuyên xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và các đương sự.

Bản án sơ thẩm còn nhận định: Trong quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân quận P nhận thấy T còn có dấu hiệu phạm tội “Đánh bạc” nên đã nhiều lần ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân quận P, yêu cầu điều tra bổ sung để làm rõ nhưng không được chấp nhận. Do vậy, căn cứ Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án chỉ xét xử T về hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố.

Ngày 11/6/2018, T có đơn kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không đúng tình tiết vụ án và xử quá nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo T giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày như sau: Trước khi

quen bà C, T đã tham gia đánh bạc và bị thua nên thiếu nợ. Vì bà C và T có quan hệ tình cảm với nhau nên bà C đã vay tiền của gia đình và cho T vay lại để T đánh bạc nhằm gỡ lại số tiền đã thua. Vì sợ bị gia đình trách mắng nên bà C và T đã thống nhất với nhau nói dối gia đình bà C rằng T nhận tiền của bà C để xin việc làm cho bà C. Khi bị gia đình bà C hỏi thúc, T và bà C tiếp tục lừa dối bà N (mẹ của T) nhằm mục đích để bà N trả tiền thay cho T. Không có việc T mua yến sào cất trữ và cũng không có việc T mua cổ phần của Công ty tôn Hoa sen. Tuy nhiên, T không lừa bà C. Trong quá trình điều tra, và tại phiên tòa sơ thẩm 26/11/2016, T nhận tội là do không nhận thức được hậu quả pháp lý phải gánh chịu; T nghĩ rằng chỉ cần trả tiền thì sẽ không bị xử lý hình sự.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Căn cứ lời khai của bị cáo T, lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, các tài liệu chứng cứ thu thập được, có cơ sở để kết luận T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự. Những nội dung mà T bào chữa là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo T không có ý kiến tranh luận mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét để bị cáo được sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, luật sư bào chữa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định:

Lợi dụng quan hệ tình cảm với bà C, T đã nhiều lần có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà C để sử dụng vào việc đánh bạc và tiêu xài cho cá nhân, cụ thể như sau:

- Vào khoảng tháng 11/2015, T bịa đặt ra việc có người thân làm trong Bệnh viện Chợ Rẫy và đặt vấn đề giúp bà C xin việc làm với điều kiện là bà C phải đưa tiền cho T để làm chi phí xin việc làm. Tin là thật nên bà C đã nhiều lần giao tiền cho T với tổng số tiền đã giao là 80.000.000đ.

-Vào khoảng cuối tháng 12/2015, đầu tháng 01/2016, T nói dối với bà C rằng T được nhận vào làm việc tại Công ty Tôn Hoa Sen để hỏi vay bà C 40.000.000đ để mua cổ phần của Công ty Tôn Hoa Sen. Tin là thật nên bà C đồng ý cho T vay 40.000.000đ. Cũng trong thời gian đã nêu, T nói dối bà C rằng T cần tiền mua yếm sào cát trữ với mục đích bán lại và hỏi vay bà C 18.000.000đ, tin là thật nên bà C đã cho T vay 18.000.000đ; T còn nói dối bà C rằng do điểm học của bà C thấp nên bà C cần phải đăng ký khóa học nâng cao với mức học phí 7.300.000đ, tin là thật nên bà C đã đưa cho T 7.300.000đ để T đăng ký cho bà C học.

-Vào ngày 27/02/2016 và 12/3/2016, do cần tiền đánh bạc nên T giả vờ hỏi mượn của bà C chiếc xe máy biển số 77L1-083.35, 1 chiếc máy vi tính xách tay hiệu Sony Vaio và 1 điện thoại Sony để làm phương tiện đi làm. Tin là thật nên bà C cho T mượn các tài sản vừa nêu. Sau khi nhận được tài sản, T mang đi cầm cố lấy tiền sử dụng vào việc đánh bạc và tiêu xài cá nhân. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận P thì: Chiếc xe máy hiệu Yamaha Sirius biển số 77L1-085.35 có trị giá 9.000.000đ; máy vi tính xách tay hiệu Sony Vaio Core i3-3120M có trị giá 7.500.000đ; điện thoại di động hiệu Sony C6902 có trị giá 5.000.000đ. Tổng giá trị các tài sản vừa nêu là 21.500.000đ.

Tổng trị giá tài sản mà T đã chiếm đoạt của bà C là 166.800.000đ.

[3].Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai trái, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì động cơ tư lợi nên vẫn cố ý phạm tội. Đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ cơ sở để kết luận T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo theo tội danh, điều luật như đã nêu là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi một phần nên Tòa án cấp sơ thẩm viện dẫn lý do này để áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm cho bị cáo là có thể chấp nhận được.

Hầu hết tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại không thu hồi được, bị cáo cũng chưa bồi thường cho bị hại. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm g khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự (tương ứng với tình tiết “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn”) để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là không có căn cứ, không đúng pháp luật. Trong phần quyết định, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội vào việc xử lý đối với T nhưng trong bản án không có bất kỳ nhận định nào liên quan đến việc áp dụng Nghị quyết đã nêu là không đúng quy định. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về những sai sót đã nêu.

[5]. Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm đã có một số sai sót như đã nêu tại mục [4]. Tuy nhiên, mức án 4 năm 6 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng. Do vậy, cần giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo.

[6]. Về việc bào chữa của bị cáo T tại phiên tòa sơ thẩm mở ngày 23/5/2018:

Bị cáo T bào chữa cho rằng số tiền 145.300.000đ mà bà C chuyển vào tài khoản 197188629 của T và giao trực tiếp cho T là tiền T vay của bà C để sử dụng vào việc đánh bạc và tiêu xài chung. Do vậy, bị cáo không lừa đảo chiếm đoạt của bà C số tiền này. Nội dung bào chữa như đã nêu là không được chấp nhận, bởi các lý do sau đây:

Tại phiên tòa sơ thẩm do Tòa án nhân dân quận P mở vào ngày 16/11/2016, T thừa nhận việc đã lừa dối bà C để chiếm đoạt của bà C số tiền 145.300.000đ thông qua việc vay tiền của bà C, yêu cầu bà C đưa tiền để làm chi phí xin việc làm (bl.347-356). Lời khai nhận tội này của bị cáo là phù hợp với lời khai của bà C.

T cho rằng khoản tiền 145.300.000đ đã nêu là khoản tiền mà bà C giao cho T để sử dụng vào việc đánh bạc chung; chiếc điện thoại Nokia kèm sim thuê bao mang số 0988429426 là của bà C, bà C giao cho T, đề nghị T thay đổi thông tin cá nhân gắn với tài khoản số 197188629 của T mở tại Ngân hàng ACB và tài khoản của T trên trang web M88 (tài khoản mà T mở để tham gia đánh bạc) để bà C theo dõi biến động của tài khoản. Tuy nhiên, tại biên bản hỏi cung bị can ngày 10/02/2017, T khai rằng T đã sử dụng số điện thoại 0988429426 để gọi vào số điện thoại 01687582499 của bà C, bà C đưa máy điện thoại của bà C cho ai nghe thì T không rõ; còn T thì đưa điện thoại cho S (người quen của T nhưng T không rõ lai lịch) nói chuyện (bl.422, 423). Căn cứ vào các tài liệu thu thập được là hợp đồng cầm cố tài sản giữa T với Cửa hàng dịch vụ cầm đồ Nam Phát (bl.324b, 324c) thì T đều sử dụng số điện thoại 0988429426. Theo thông tin do Ngân hàng ACB cung cấp (thông qua văn bản số 10/CV.LVS.18 ngày 30/01/2018) thì số điện thoại mà T sử dụng để đăng ký sử dụng tài khoản 197188629 mở tại Ngân hàng ACB và số điện thoại đăng ký để nhận tin nhắn báo số dư tài khoản là 0985121876; trong thời gian từ tháng 01/2015 đến tháng 4/2016, T không đăng ký thay đổi số điện thoại trong thông tin cá nhân cũng như số điện thoại nhận tin nhắn thông báo số dư. Bà C thì khai rằng vào khoảng tháng 12/2015, T nhờ bà C đứng tên đăng ký lại số thuê bao 0988429426; đến tháng 3/2016, T nói với bà C là đã làm mất simcard nên nhờ bà C đăng ký lại lần nữa, số thuê bao 0988429426 là do T trực tiếp quản lý, sử dụng; khi bị bắt, T gửi lại điện thoại di động có số thuê bao đã nêu cho bà C giữ (bl.153); thời gian bà C về Quy Nhơn ăn Tết cùng gia đình thì có một người đàn ông lạ (theo T cho biết là người này phụ trách nhân sự Bệnh viện Chợ Rẫy) dùng số điện thoại di động 0988429426 của T gọi vào số điện thoại của bà C số 01687582499 gặp ba của bà C thông báo không xin được việc làm tại Bệnh viện Chợ Rẫy mà chuyển qua xin

làm việc tại Bệnh viện 175. Mặt khác, theo kết quả điều tra thì chưa có đủ căn cứ để xác định T tham gia đánh bạc thông qua trang web M88. Từ các lý do đã nêu, có cơ sở để xác định T là người đã sử dụng bao điện thoại mang số 0988429426; việc T cho rằng bà C cùng tham gia đánh bạc với T và sử dụng số điện thoại 0988429426 để theo dõi biến động tài khoản mà T mở tại Ngân hàng ACB và tài khoản do T mở để tham gia đánh bạc qua trang web M88 là không có cơ sở.

Trong quá trình điều tra,

Ông Nguyễn Văn H khai rằng: T gọi điện thoại cho ông H, hứa xin cho bà C vào làm việc tại Bệnh viện Chợ Rẫy và nói rằng nếu không xin được thì sẽ xin vào Bệnh viện 175. Vì tin tưởng T nên ông H đã chuyển tiền cho bà C để bà C đưa cho T. Ông H khẳng định rằng khi gặp T tại phòng trọ của bà C tại Phường 4, quận P, T thú nhận rằng đã sử dụng toàn số tiền bà C đưa cho T vào việc đánh bạc; tài sản là xe gắn máy, máy vi tính xách tay và điện thoại di động của bà C cho T mượn, T cũng mượn đi cầm cố lấy tiền sử dụng tiêu xài cá nhân và đánh bạc.

Bà Trương Thị Kim N (mẹ đẻ của T) khai rằng: Đầu năm 2016, bà N có nhận được cuộc điện thoại của một người phụ nữ tự xưng tên là C. Người này có hỏi bà N rằng gia đình bà N có ai làm việc trong Bệnh viện Chợ Rẫy không; T có gửi tiền cho bà N để sửa xe hay không. Đồng thời người phụ nữ này báo cho bà N biết việc T đã nhận tiền để xin cho bà C vào làm việc tại Bệnh viện Chợ Rẫy. Bà N có nói với người phụ nữ này rằng “cô đã bị nó lừa rồi, gia đình tôi không có ai làm việc tại Bệnh viện Chợ Rẫy”; T không gửi tiền về cho gia đình.

Lời khai của ông H và bà N là phù hợp với lời khai của bà C, phù hợp với lời khai nhận tội của T tại “Biên bản hỏi cung bị can” ngày 01/6/2016 (bl.127-130), bản tự khai của T lập ngày 01/6/2016 (bl.131, 132), biên bản ghi lời khai của T (bl.137-145); bà N lại là mẹ đẻ của T. Do vậy, lời khai nhận tội của T tại các văn bản đã nêu, lời khai của bà N và ông H là đảm bảo tính khách quan, là căn cứ để xác định T đã lừa dối bà C, bịa ra việc xin việc làm cho bà C để chiếm đoạt tiền của bà C.

Theo văn bản số 170/CV/HSG/2017 ngày 29/11/2017 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen trả lời xác minh của Cơ quan điều tra thì: Trong thời gian tháng 1 và tháng 2 năm 2016, Nhà máy Tôn Hoa Sen tại Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không tuyển dụng ông Huỳnh Quang T; trong thời gian tháng 3 năm 2016, Công ty Tôn Hoa Sen tại Dĩ An, tỉnh Bình Dương không tuyển dụng ông Huỳnh Quang T. Do vậy, có căn cứ xác định rằng T đã bịa đặt ra việc được nhận vào làm việc tại Công ty Tôn Hoa Sen để vay, mượn tài sản của bà C.

Trong thực tế, cũng không có việc T mua yến sào để cất trữ. Do vậy, có căn cứ để xác định rằng vì có ý định chiếm đoạt tiền của bà C nên T đã bịa đặt ra lý do cần tiền mua yến sào cất trữ để vay tiền và chiếm đoạt tiền của bà C.

[7]. Về việc bào chữa của luật sư Phùng Thị Hòa, bào chữa cho T tại phiên

tòa sơ thẩm mở ngày 23/5/2018:

Trong quá trình điều tra và tại các phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, T thừa nhận vì muốn có tiền để đánh bạc và tiêu xài, T đã có hành vi lừa đảo bà C để chiếm đoạt của bà C 1 xe máy, 1 máy vi tính xách tay và 1 điện thoại có tổng trị giá là 21.500.000đ. Do vậy, luật sư Hòa cho rằng T không có ý thức chiếm đoạt số tài sản đã nêu của bà C là không có căn cứ, mâu thuẫn với chính lời khai của bị cáo nên không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với các khoản tiền lừa đảo khác: Tại biên bản lấy lời khai bị can, bản tự khai, tại phiên tòa ngày do Tòa án nhân dân quận P mở vào ngày 16/11/2016 (bl.127-130-132, 137-145, 347-356), T thừa nhận rằng trước khi quen bà C, T đã có tham gia đánh bạc và bị thua nhiều, dẫn đến việc thiếu nợ nên T đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà C. Các lý do mà T nêu ra như có người quen làm việc trong Bệnh viện Chợ Rẫy, việc mua yến sào cất trữ... đều là không có thật. T thừa nhận không bị bức cung, nhục hình nên lời khai của T được ghi nhận trong các tài liệu đã nêu là khách quan. Như vậy, có cơ sở để xác định rằng T có ý thức lừa đảo bà C vào thời điểm trước khi bà C giao tài sản cho T. Việc luật sư Hòa cho rằng T không phạm tội là không có căn cứ.

[8].Về nội dung bào chữa của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm ngày 28/8/2018:

Bị cáo thừa nhận không có việc bị cáo xin việc làm cho bà C, không có việc bị cáo mua cổ phần của Công ty tôn Hoa Sen, không có việc bị cáo mua yến sào cất trữ. Tuy nhiên, bị cáo lại không thừa nhận việc lừa đảo chiếm đoạt khoản tiền 145.300.000đ của bà C là có mâu thuẫn.

Đối với một người có trình độ văn hóa phổ thông, khi bị khởi tố, bắt giam, nhận cáo trạng truy tố và bị Tòa án đưa ra xét xử đều nhận thức được hậu quả pháp lý mà mình sẽ phải gánh chịu. Bị cáo là có trình độ văn hóa 12/12 nên bị cáo hoàn toàn nhận thức được hậu quả pháp lý của việc bị cáo khai nhận tội tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm do Tòa án nhân dân quận P mở vào ngày 16/11/2016; việc bị cáo phủ nhận lời khai nhận tội với lý do không nhận thức được hậu quả pháp lý phải gánh chịu là không có tính thuyết phục.

Vì các lý do đã nêu, không có căn cứ để chấp nhận nội dung bào chữa của bị cáo T tại phiên tòa.

[9].Căn cứ vào các nhận định đã nêu, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[10].Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Quang T, giữ nguyên bản án sơ thẩm 36/2018/HSST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Quang Trí 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/3/2016.

2. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- VKSND quận P; (1)
- PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam (1)
- Đường sự: (1)
- Chi Cục THA quận P; (1)
- TAND quận P; (2)
- Công an quận P; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (24). (4)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huấn